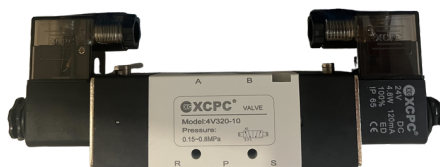




4V310-10



4V320-10



4V330C-10

Ordering Code | Mã đặt hàng

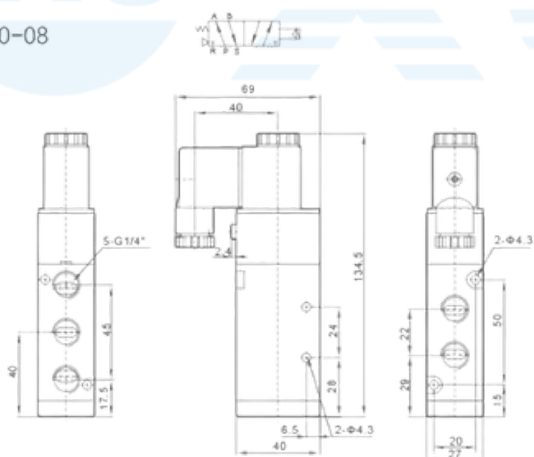
4V	3	10	—	10		AC220V	—	
Specification code <i>(Mã thông số kỹ thuật)</i> 4V: Two (Three)-position Five - way Solenoid valve <i>4V: Van điện từ 5 cửa, 2 (hoặc 3) vị trí</i> 3V: Two-position Three-way Solenoid Valve <i>3V: Van điện từ 3 cửa, 2 vị trí</i>	Series Code <i>(Dòng sản phẩm)</i> 300 Series	Coil and Places <i>(Cuộn coil và Kiểu bố trí)</i> 10: Single-head Double-position <i>10: 1 đầu coil, 2 vị trí</i> 20: Double-head Double-position <i>20: 2 đầu coil, 2 vị trí</i> 30C: Double-head Three-position Close type <i>30C: 2 đầu coil, 3 vị trí, Thường đóng</i>		Port Size <i>(Cổng kết nối)</i> 08: G1/4" 10: G3/8"	Port connection and initial state <i>(Kết nối cổng và trạng thái ban đầu)</i> NC: Two-position Three-way Normal close type <i>(Van 2 vị trí, 3 cửa, loại thường đóng)</i> NO: Two-position Three-way Normal open type <i>(Van 2 vị trí, 3 cửa, loại thường mở)</i>	Standard voltage <i>(Điện áp tiêu chuẩn)</i> DC24V AC220V		Wiring form <i>(Hình thức đấu dây)</i> Blank: Standard connector <i>(Để trống: đầu nối tiêu chuẩn)</i>

Specification | Thông số kỹ thuật

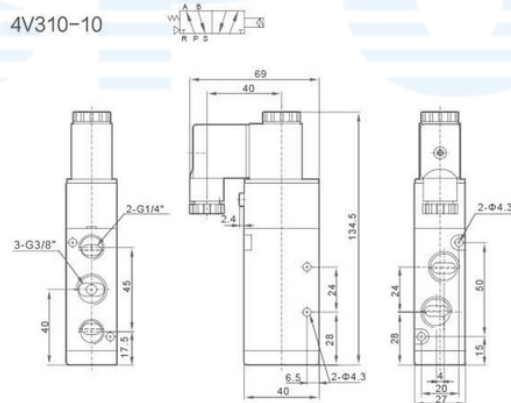
Model <i>(Mã hàng)</i>	4V310-08	4V310-10	4V320-10	4V330C-10
Position and way NO. <i>(Số vị trí và cửa)</i>	Two-position Five-way <i>(2 vị trí, 5 cửa)</i>	Two-position Five-way <i>(2 vị trí, 5 cửa)</i>		Three-position Five-way <i>(3 vị trí, 5 cửa)</i>
Effective sectional area <i>(Diện tích tiết diện hiệu dụng)</i>	25mm ² (CV=1.40)	30mm ² (CV=1.68)		18mm ² (CV=1.00)

Overall Dimensions | Kích thước tổng thể

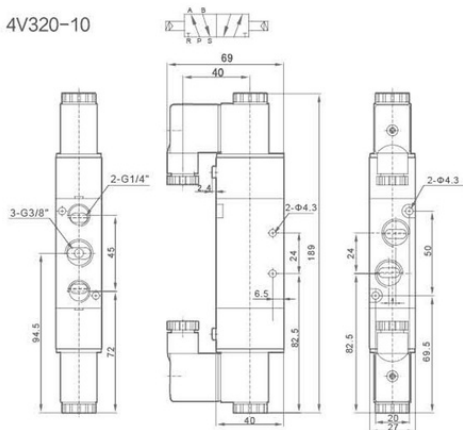
4V310-08



4V310-10



4V320-10



4V330-10

